

# KHẢ QUAN

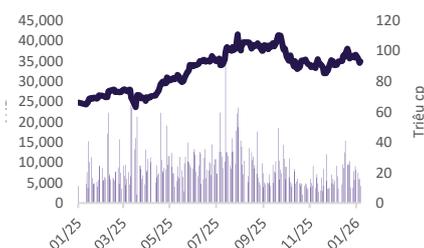
Nguyễn Xuân Hải

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Ngân hàng
Ngày báo cáo	: 02/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: <b>28.500</b>
Giá mục tiêu (VND/CP)	: <b>32.200</b>
Tỷ lệ tăng (%)	: <b>12,9%</b>
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 228.359
SLCPLH (Triệu CP)	: 8.055

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q4/24	Q4/25
TT tín dụng (% svđn)	25.7%	35.6%
TT huy động (% svđn)	21.5%	31.5%
TT thu nhập lãi (% svck)	21.6%	30.6%
NIM (%)	4.3%	4.1%
LDR thuần (%)	96.9%	99.9%
NPL (%)	1.6%	1.3%
LLC (%)	92.2%	93.7%
Vốn NH cho vay TDH	N/A	N/A
CIR (%)	31.7%	31.9%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Tăng trưởng tín dụng và chất lượng tài sản đồng thời được cải thiện

- **Kết quả kinh doanh Q4/2025 của MBB tăng trưởng vượt kỳ vọng.** Trong đó:
  - Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của MBB đạt 19.527 tỷ đồng (+17,9% svck) với sự cải thiện trong thu nhập từ hoạt động tín dụng (+30,6% svck) và dịch vụ (+78% svck). Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 11.129 tỷ đồng (+37,5% svck).
  - **Thu nhập lãi thuần** trong Q4 ghi nhận mức tăng trưởng +30,6% svck, đạt 14.555 tỷ đồng. Trong đó:
    - Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ bứt phá mạnh mẽ trong quý 4 (+35,4% sv đầu năm, +15,3% sv quý trước), giúp MBB vượt xa tốc độ tăng trưởng trung bình toàn ngành (+19% sv đầu năm). Động lực tăng trưởng đến từ nhóm khách hàng doanh nghiệp với mức tăng ấn tượng (+46% sv đầu năm), trong khi phân khúc khách hàng bán lẻ kéo chậm lại mức tăng chung (+32% sv đầu năm). Danh mục cho vay trải dài nhiều lĩnh vực với tỷ trọng tập trung vào các ngành chính như công nghiệp, chế biến, chế tạo (16,5%); bán buôn và bán lẻ (27,4%); kinh doanh bất động sản (11,1%); tiêu dùng hộ gia đình (22%). Đặc biệt đáng chú ý là tỷ trọng dư nợ ngành kinh doanh bất động sản và xây dựng đã tăng từ 12,37% cuối năm 2024 lên 15,37% cuối năm 2025, tăng mạnh +73,3% svck.
    - Nhờ thị trường chứng khoán thuận lợi, dư nợ cho vay ký quỹ của MBS tăng +46% sv đầu năm, đạt mức 15,0 nghìn tỷ đồng.
  - NIM trong Q4 đạt mức 4,08%, đi ngang sv quý trước nhưng sụt giảm 20 bps svck. Lợi suất tài sản tăng (+25 bps svck) nhưng tốc độ thấp hơn so với chi phí vốn (+45 bps svck) nhằm đáp ứng nhu cầu tín dụng cao điểm cuối năm.
  - **Thu nhập ngoài lãi đi lùi**, do chịu tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh ngoại hối (-46,3% svck) và mức nền cao đột biến của hoạt động đầu tư chứng khoán năm ngoái (-65,9% svck). Điểm sáng là thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 2.101 tỷ đồng (+78% svck) nhờ số lượng khách hàng đạt kỷ lục (tăng 4,8 triệu khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng lên 35,09 triệu) từ đó củng cố đà tăng cho hoạt động thanh toán (+36,4% svck) và tư vấn (+257% svck).
  - Chi phí hoạt động ghi nhận mức tăng +18,7% svck, đạt 6.229 tỷ đồng do tác động chủ yếu của chi phí lương nhân viên, khiến CIR tăng nhẹ lên 31,9% so với mức 31,7% cùng kỳ năm ngoái.
  - Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm mạnh xuống mức 2.169 tỷ (-32,7% svck) trong bối cảnh chất lượng tài sản được cải thiện đáng kể.

**BẢNG 1 - CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Q4/2024	Q4/2025	%svck	2024	2025	%svck
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	11,142	14,555	30.6%	41,152	51,610	25.4%
Thu nhập thuần ngoài lãi (Tỷ đồng)	5,421	4,973	-8.3%	14,261	16,083	12.8%
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	16,564	19,528	17.9%	55,413	67,693	22.2%
Chi phí hoạt động (Tỷ đồng)	5,247	6,229	18.7%	17,007	19,681	15.7%
CIR (%)	31.7%	31.9%		30.7%	29.1%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (Tỷ đồng)	3,224	2,169	-32.7%	9,577	13,744	43.5%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	8,093	11,129	37.5%	28,829	34,268	18.9%
NIM (%)	4.27%	4.08%		4.08%	3.88%	
Chi phí tín dụng (%)	1.74%	0.86%		1.38%	1.48%	
ROA (%)	2.33%	2.38%		2.21%	2.00%	
ROE (%)	22.1%	25.5%		21.2%	20.7%	

Nguồn: MBB, ABS Research

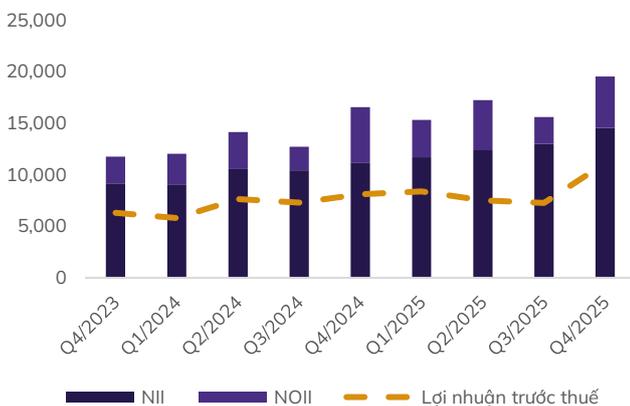
**BẢNG 2 - CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q4/2024	Q4/2025	%svck
Tổng vốn chủ sở hữu	112,149	136,136	21.4%
Tổng tài sản	1,128,567	1,615,541	43.1%
Tổng tín dụng	816,723	1,107,430	35.6%
Tổng huy động	112,149	136,136	21.4%
Nợ xấu (%)	1.62%	1.29%	
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	92.2%	93.7%	
LDR theo thông tư 22 (%)	79.1%	82.0%	

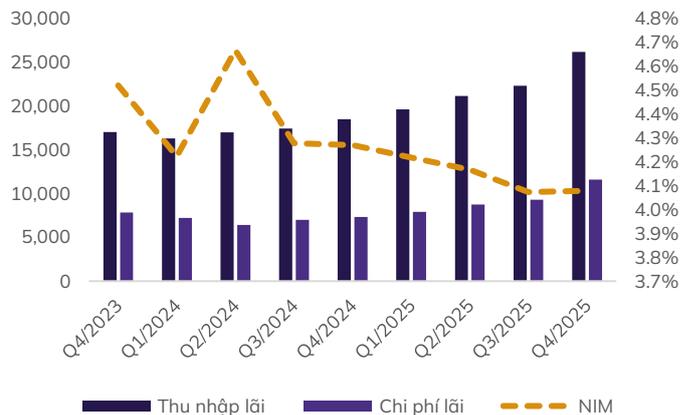
Nguồn: MBB, ABS Research

- Tính chung cả 2025**, tổng thu nhập hoạt động đạt 67.693 tỷ (+22,2% svck). LNTT ghi nhận 27.382 tỷ (+19,3% svck), hoàn thành 108% kế hoạch của cả năm.
  - Thu nhập lãi thuần ghi nhận 51.610 tỷ đồng (+25,4% svck). NIM đạt 3.88%, giảm 20 bps svck, mức thấp nhất trong vòng 8 năm, với mức NIM suy yếu trong nửa cuối năm do áp lực tăng trưởng tín dụng trong khi mặt bằng lãi suất huy động bật tăng từ đáy. Tuy nhiên, NIM của MBB vẫn cao hơn nhiều mặt bằng chung toàn ngành ngân hàng (3,01%)
  - Thu nhập ngoài lãi có mức tăng trưởng khả quan khi đạt 16.082 tỷ đồng (+12,8% svck) với hoạt động dịch vụ ghi nhận tăng trưởng ấn tượng +50,6% svck, được hỗ trợ bởi hoạt động tư vấn (+257% svck), thẻ (+83% svck), bảo hiểm (+35% svck). Bên cạnh đó, MBB cũng đạt được bước tiến lớn khi phục vụ gần 1.500 đối tác, chạm mức 1,1 tỷ giao dịch, tăng gấp 4,8 lần sv năm 2023. Hoạt động kinh doanh khác cũng khởi sắc khi đạt 5.314 tỷ đồng (+62% svck) nhờ thu hồi nợ xấu tăng mạnh sau khi Nghị quyết 42 được luật hóa. Tuy nhiên, đà tăng trưởng chậm lại do hoạt động kinh doanh ngoại hối (-12,2% svck) và đầu tư chứng khoán (-43,3% svck) sụt giảm.

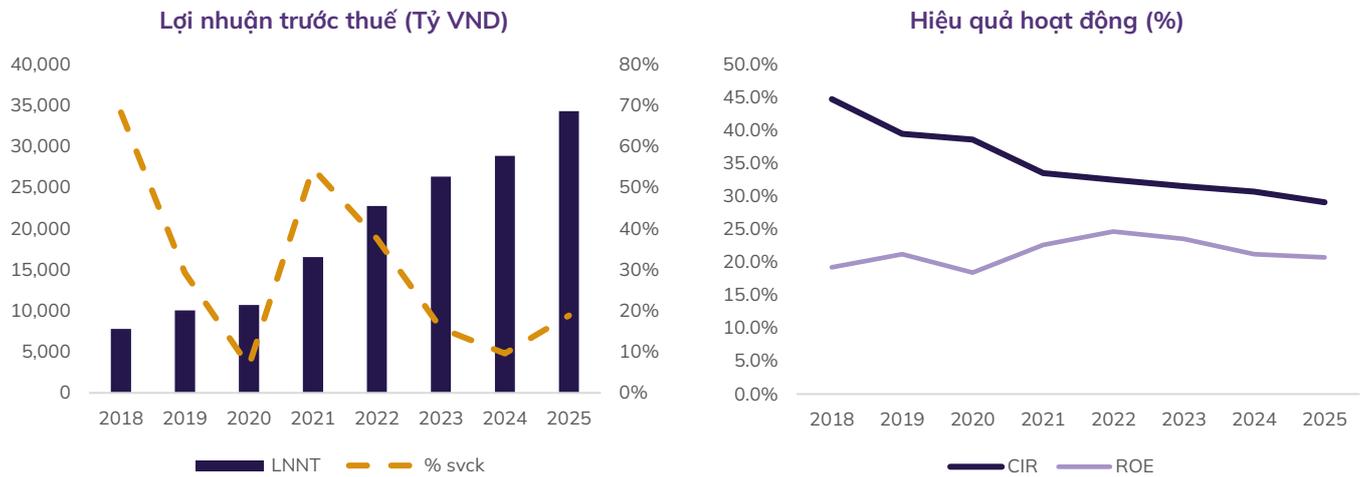
**Lợi nhuận trước thuế (Tỷ VND)**



**Thu nhập lãi thuần (Tỷ VND)**



Nguồn: MBB, ABS Research



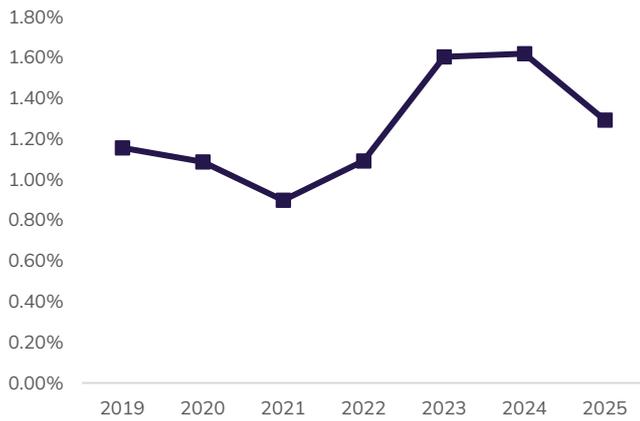
Nguồn: MBB, ABS Research

- Chi phí hoạt động ghi nhận 19.681 tỷ (+6,9% svck) chủ yếu do ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ thông tin (+14,5 svck). Theo MB, kênh số đã đóng góp 50,3% tổng doanh thu năm 2025 (tăng mạnh so với 35,6% năm 2024), cho thấy đầu tư công nghệ dần mang lại thành quả. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm 1,6% xuống còn 29,1%, thấp hơn mức trung bình ngành (32,1%), và là mức thấp nhất của MBB qua các năm.

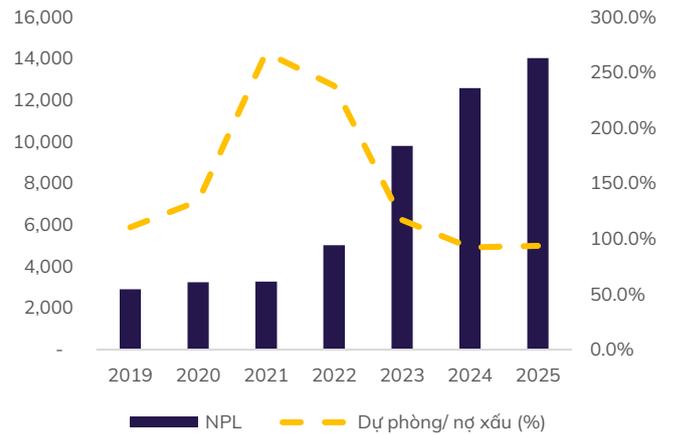
#### Về chất lượng tài sản và các tỷ lệ an toàn hoạt động:

- Nợ xấu của MBB đã tăng mạnh trong Q3/2025 do chịu tác động tiêu cực doanh nghiệp bán lẻ và một số khách hàng lớn như năng lượng tái tạo (một doanh nghiệp trong mảng năng lượng tái tạo đã thay đổi hợp đồng mua bán điện và đề xuất MBB điều chỉnh tương ứng, dẫn đến khoản vay này bị xếp vào nhóm nợ xấu), nhưng đã hạ nhiệt mạnh trong Q4/2025 xuống 1,29%, giảm mạnh 58 bps svck và 33 bps sv đầu năm, đây cũng là mức thấp nhất kể từ Q1/2023, cho thấy vấn đề trên đã được giải quyết. Dư nợ nhóm 2 và nợ xấu sụt giảm lần lượt là 33% và 4,5% sv đầu năm.
- Ngân hàng tăng mạnh việc trích lập dự phòng nợ xấu. Chi phí dự phòng năm 2025 đạt 13.743 nghìn tỷ đồng (+43,5% svck), cao hơn kỳ vọng, trong khi chất lượng tài sản được cải thiện giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLC) đạt 93,7% (+14,5 điểm phần sv quý trước).
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi khách hàng bật tăng mạnh trong Q4 (+15,5% sv quý trước), đưa mức tăng trưởng cả năm lên mức 31,5% sv đầu năm, vượt xa mức trung bình toàn ngành là 15%. Trong đó, đà tăng trưởng được dẫn dắt bởi chứng chỉ tiền gửi (45,1% sv đầu năm), cao hơn nhiều tiền gửi khách hàng (29% sv đầu năm). Nhờ vậy, tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR) theo thông tư 22 đạt 79,1%, giảm mạnh so với quý trước là 83,62%. Tỷ lệ CASA sụt giảm theo xu hướng chung toàn ngành, đạt 36,8%, giảm 1,2 điểm phần trăm svck, trong bối cảnh lãi suất huy động tiền gửi của các ngân hàng bắt đầu tăng, tuy nhiên tỷ lệ CASA của MBB vẫn đứng thứ 1 trong ngành và cao vượt trội so với các ngân hàng khác.
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được duy trì ở mức trên 11%, tương đương với trung bình ngành ngân hàng. Ngân hàng cho biết, trong thời gian tới sẽ đẩy mạnh tăng vốn nhằm đảm bảo CAR luôn duy trì ở mức trên 10,5% và hướng tới việc sớm áp dụng Thông tư 14 (Basel III) bằng phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ (IRB) và tối ưu hóa tài sản trọng số rủi ro (RWA).

Tỷ lệ nợ xấu (%)



Hiệu quả hoạt động (%)



Nguồn: MBB, ABS Research

### Định hướng 2026 của MBB

#### ➤ Ngân hàng đặt kế hoạch tham vọng:

- Tổng tài sản tăng trưởng 33% svck.
- Tín dụng tăng trưởng 35% svck.
- LNTT tăng 15% svck.
- Tăng thêm 4-5 triệu khách hàng mới, đưa tổng số khách hàng vượt mốc 40 triệu.
- Nợ xấu dưới mức 1,5% và LLC lên 100%. ROE vượt 20%.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái với đầu tư thêm vào các công ty con (bảo hiểm, chứng khoán).
- Phát triển các mảng kinh doanh mới vàng, FDI, tài sản số.

### Chúng tôi nhận định triển vọng tăng trưởng của MBB tiếp tục tích cực trong năm 2026 do những yếu tố sau:

#### ➤ Mục tiêu tăng trưởng tín dụng đạt 35% khá thách thức nhưng vẫn có khả năng hoàn thành nhờ các yếu tố sau:

- Gần đây, NHNN đã đưa ra văn bản hướng dẫn giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho ngân hàng thực hiện phương án tái cơ cấu. Chúng tôi đánh giá quyết định trên sẽ giúp MBB có thêm nguồn vốn để đẩy mạnh cho vay và tránh rơi vào những tình huống thanh khoản căng thẳng. Ngoài ra, MBB thuộc 1 trong 3 NHTM được cấp hạn mức tín dụng cao nhất hệ thống ngay trong đầu năm 2026, đây sẽ là điều kiện thuận lợi hỗ trợ MBB chủ động đẩy mạnh tín dụng vào những phân khúc ưu tiên.
- Thị trường bất động sản dần hồi phục đi cùng với nền kinh tế tiếp tục là bàn đạp giúp MBB đẩy mạnh tín dụng.
- Ngân hàng lên kế hoạch chuyển dịch trọng tâm sang cho vay khách hàng bán lẻ với mục tiêu gia tăng tỷ trọng thêm 2-3% mỗi năm (hiện tại đang ở mức 45%). Đồng thời, nhà băng tiếp tục tập trung vào những ngành nghề được ưu tiên như: bất động sản khu công nghiệp thứ cấp, ngành ESG và ngành Logistics. Đây là những lĩnh vực rất tiềm năng và có nhu cầu vốn lớn trong thời gian sắp tới. Đồng thời, ngân hàng sẽ đẩy mạnh cho vay tiêu dùng thông qua Mcredit với kỳ vọng ngành bán lẻ sẽ hồi phục mạnh hơn trong 2026.

- **Áp lực suy giảm NIM tiếp tục duy trì trong nửa đầu năm 2026** do chúng tôi cho rằng mặt bằng lãi suất cho vay ngành ngân hàng nhích nhẹ lên nhưng chậm hơn tốc độ tăng của chi phí vốn. Tuy nhiên, việc ngân hàng chuyển dịch trọng tâm sang bán lẻ, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc và duy trì tỷ lệ CASA cao phần nào sẽ hạn chế sự sụt giảm của NIM. Chúng tôi dự báo NIM sẽ dần hồi phục vào cuối năm 2026 khi bán lẻ và thị trường bất động sản được cải thiện giúp đẩy

mạnh nhu cầu tín dụng, đồng thời, các chính sách hỗ trợ lãi suất sẽ thu hẹp khi nền kinh tế hồi phục, mang lại lợi suất cho vay cao hơn.

- **Thu nhập ngoài lãi dự kiến sẽ tăng khả quan**, động lực thúc đẩy chủ yếu đến từ ngân hàng tiếp tục phát triển hệ sinh thái của tập đoàn và tăng cường các hoạt động thu hồi xử lý nợ xấu.
- Chúng tôi dự báo nợ xấu trong năm 2026 đạt 1,5% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ở mức 17.556 tỷ đồng (+27,7% svck), tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu dự kiến đạt mức 95,8% (+2,1điểm phần trăm svck).
- Chi phí hoạt động dự kiến ở mức 19.695 tỷ đồng (+15,8% svck), với CIR sụt giảm xuống mức 29% từ mức 29,1% trong năm 2025.
- LNTT 2025 của MBB vượt 6% dự phóng của chúng tôi trong báo cáo gần nhất do tăng trưởng tín dụng cao hơn ước tính. Tuy nhiên, do lo ngại NIM vẫn còn chịu áp lực nên chúng tôi dự phóng LNTT của MBB năm 2026F đạt 39.146 tỷ đồng (+14,2% svck). EPS và BVPS dự kiến đạt lần lượt 3.881 đồng/cp và 20.782 đồng/cp. ROE dự kiến đạt 18,7%.
- Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu của MBB ở mức 32.200 đ/cp, tương ứng P/B 2026F ở mức 1,55x. Với tiềm năng tăng giá +12,9% so với giá hiện tại, chúng tôi khuyến nghị KHẢ QUAN với cổ phiếu MBB.

## PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA MBB

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52,486	69,143	69,062	89,088
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(16,463)	(30,459)	(27,910)	(37,478)
Thu nhập lãi thuần	36,023	38,684	41,152	51,610
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	14,244	13,138	14,603	18,062
Chi phí hoạt động dịch vụ	(10,108)	(9,052)	(10,234)	(11,484)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4,136	4,085	4,368	6,579
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1,704	1,210	2,000	1,757
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	141	542	1,756	668
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1,315	300	2,803	1,590
Thu nhập từ hoạt động khác	3,026	3,458	4,658	5,314
Chi phí hoạt động khác	(884)	(1,030)	(1,378)	0
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	2,142	2,428	3,281	5,314
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	132	57	53	174
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>45,593</b>	<b>47,306</b>	<b>55,413</b>	<b>67,693</b>
Chi phí hoạt động	(14,816)	(14,913)	(17,007)	(19,681)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	30,777	32,393	38,406	48,012
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(8,048)	(6,087)	(9,577)	(13,744)
Tổng lợi nhuận trước thuế	22,729	26,306	28,829	34,268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4,574)	(5,252)	(5,878)	(6,885)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>18,155</b>	<b>21,054</b>	<b>22,951</b>	<b>27,383</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(672)	(377)	(318)	(604)
<b>An toàn vốn</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
VCSH/TTS	10.4%	9.8%	9.9%	8.4%
VCSH/ Cho vay khách hàng	16.5%	15.2%	14.4%	12.6%
<b>An toàn vốn</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
NPL	1.1%	1.6%	1.6%	1.3%
Dự phòng bao nợ xấu	238.0%	117.0%	92.2%	93.7%
<b>Hiệu quả hoạt động</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
CIR	32.5%	31.5%	30.7%	29.1%
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	79.0%	81.8%	74.3%	76.2%
Thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập	21.0%	18.2%	25.7%	23.8%
<b>Lợi nhuận</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
NIM	5.7%	4.8%	4.1%	3.9%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HKKD	21.0%	18.2%	25.7%	23.8%
ROA	2.7%	2.5%	2.2%	2.0%
ROE	24.6%	23.5%	21.2%	20.7%
<b>Thanh khoản</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
LDR thuần	94.0%	93.6%	96.1%	99.9%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3,744	3,675	3,349	4,966
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	39,655	66,322	29,825	68,494
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	32,937	46,344	76,786	182,924
Chứng khoán kinh doanh	4,106	44,251	7,932	4,653
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	70	141	0	0
<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>448,599</b>	<b>599,579</b>	<b>765,048</b>	<b>1,070,869</b>
Chứng khoán đầu tư	159,580	147,923	209,637	225,575
Đầu tư dài hạn	625	616	609	468
Tài sản cố định	5,074	4,854	5,430	5,617
Bất động sản đầu tư	236	240	234	223
Tài sản Có khác	32,901	29,218	28,998	49,531
<b>Tổng tài sản</b>	<b>728,532</b>	<b>944,954</b>	<b>1,128,801</b>	<b>1,615,764</b>
Các khoản nợ NHNN	32	9	8,156	47,475
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	65,117	99,810	110,170	248,017
Tiền gửi của khách hàng	443,606	567,533	714,154	921,368
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	192	699
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	2,003	2,800	2,793	3,913
Phát hành giấy tờ có giá	96,578	126,463	128,964	187,236
Các khoản nợ khác	41,584	51,628	47,312	65,034
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>648,919</b>	<b>848,242</b>	<b>1,011,741</b>	<b>1,473,741</b>
Vốn	47,597	54,938	56,296	83,966
Dự phòng	9,289	12,194	14,997	19,391
Chênh lệch tỷ giá	0	46	138	202
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	19,064	25,560	40,718	32,577
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>75,949</b>	<b>92,738</b>	<b>112,149</b>	<b>136,136</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	3,664	3,973	4,911	5,886
<b>Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>728,532</b>	<b>944,954</b>	<b>1,128,801</b>	<b>1,615,764</b>
<b>Tỷ lệ tăng trưởng (%)</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
Huy động khách hàng	15.3%	27.9%	25.8%	29.0%
Tín dụng	24.9%	28.0%	24.7%	36.7%
Tổng tài sản	20.0%	29.7%	19.5%	43.1%
Vốn chủ sở hữu	27.5%	22.1%	20.9%	21.4%
Thu nhập lãi thuần	37.5%	7.4%	6.4%	25.4%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	23.4%	3.8%	17.1%	22.2%
Chi phí hoạt động	19.7%	0.7%	14.0%	15.7%
Lợi nhuận trước thuế	37.5%	15.7%	9.6%	18.9%
Lợi nhuận sau thuế	37.3%	16.0%	9.0%	19.3%
<b>Định giá (lần)</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
EPS (đồng/cp)	3,856	3,966	3,724	4,014
BVPS (đồng/cp)	16,751	17,786	21,135	16,901

Nguồn: FiinPro, MBB, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

## Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc**

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên**

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

**Hàng và Dịch vụ công nghiệp**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

**Hàng tiêu dùng, Bán lẻ**

**Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT**

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

**PKTK và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu - Giám đốc**

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Phạm Hồng Trường - Chuyên viên**

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

**Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)



*Từ hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây